TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19/7/2024
Về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoàng Việt;

2. Bà Hà Ngân Kim Tới.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Khánh Huy, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 58/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Kim Thị T, sinh năm 1989 (Có mặt); địa chỉ: Số nhà 94 ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Anh Sơn Minh Q, sinh năm 1991 (Vắng mặt); địa chỉ: Nhà không số, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 15/02/2024 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Kim Thị T trình bày:

Năm 2012, chị T kết hôn cùng anh Sơn Minh Q; được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Thới An. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu và đã có 01 con chung là cháu Sơn Minh T (Nam), sinh ngày 17/8/2012. Do bất đồng quan điểm làm phát sinh mâu thuẫn, anh Q có biểu hiện không chung thủy nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn hạnh phúc và vợ chồng đã không còn sống chung từ cuối năm 2022.

Nay, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ chị T giao nộp gồm: Bản sao Căn cước công dân của chị T, Giấy chứng nhận kết hôn của anh Q với chị T, Giấy khai sinh của cháu T; Đơn yêu cầu không hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Đơn yêu cầu hỗ trợ gửi bản sao tài liệu, chứng cứ.

- Đối với bị đơn là anh Sơn Minh Q: Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo có thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng anh Q không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Tòa án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng anh Q đều vắng mặt không có lý do, anh Q được tống đạt Thông báo kết quả phiên họp cũng như việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 03/7/2024, bị đơn vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là Biên bản lấy lời khai của cháu Sơn Minh T; Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp của các đương sự và sức khỏe, học tập, tình hình phát triển của cháu T. Các đương sự không có ý kiến phản đối về tài liệu, chứng cứ do đương sự khác giao nộp và do Tòa án thu thập được.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành triệu tập của Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Kim Thị T được ly hôn với anh Sơn Minh Q; giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh Q không phải cấp dưỡng cho con; không xem xét, giải quyết về tài sản và nợ chung do không có yêu cầu; quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị T yêu cầu ly hôn với anh Q và giải quyết quyền nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung.

Tranh chấp này được pháp luật điều chỉnh tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và Kiểm sát viên yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

- Căn cứ bản sao Căn cước công dân, Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy khai sinh của cháu T, việc không phản đối của anh Q và kết quả xác minh của Tòa án; đối chiếu với quy định tại điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị T về kết hôn với anh Q, được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Thới An cấp Giấy chứng nhận kết hôn và vợ chồng có 01 con chung là sự thật. Cho nên, chị T và anh Q đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của pháp luật; trong đó có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, từ năm 2022 đến nay, dù không có thỏa thuận khác và cũng không vì yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, tham gia các hoạt động xã hội nhưng chị T và anh Q không sống chung, không cùng chăm lo cho cháu T. Như vậy, chị T và anh Q đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; không còn thương yêu, tôn trọng nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị T ly hôn với anh Q.

- Thời điểm xét xử vụ án, cháu T đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng sống cùng mẹ; qua xác minh cũng xác định được chị T trực tiếp nuôi dưỡng từ năm 2022, đảm bảo phát triển bình thường về thể chất cũng như trí tuệ, chính quyền địa phương không phải hỗ trợ chăm sóc cháu. Việc bày tỏ nguyện vọng của cháu T là hoàn toàn tự nguyện; không bị đe dọa, lừa dối hay ép buộc; mặt khác, chị T có việc làm ổn định với nghiệp vụ kế toán doanh nghiệp, thu nhập 12 triệu/tháng đảm bảo cuộc sống và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng; anh Q không phản đối về nguyện vọng của cháu T cũng như yêu cầu nuôi con của chị T.

Vì vậy, cần căn cứ Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình để giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu T; ghi nhận ý chí tự nguyện của chị T, về không yêu cầu anh Q cấp dưỡng cho con.

- Nguyên đơn tiếp tục khẳng định không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Kim Thị T chịu 300.000 đồng theo điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có căn cứ pháp lý, có cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên. Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Kim Thị T được ly hôn với anh Sơn Minh Q.

2. Về con chung:

Giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Sơn Minh T (Nam), sinh ngày 17/8/2012. Ghi nhận ý chí tự nguyện của chị T, anh Q không phải cấp dưỡng cho con. Trong thời gian chị T nuôi con, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc và giáo dục của cha mẹ đối với con chung. Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu T, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nếu có căn cứ hợp pháp.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khẳng định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Kim Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai số 0002365 ngày 15/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Chị Kim Thị T có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; anh Sơn Minh Q có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND xã Thạnh Thới An;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

CHU ĐỨC CHƯƠNG